

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày: 07- 7- 2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lô.

2/ Bà Mai Thị Bỉ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hoàng K (Tên gọi khác: B)**, sinh ngày 27/7/1996; Nơi sinh: L.

Nơi đăng ký HKTT: Ấp x, xã Bc, huyện B, tỉnh L; Nghề nghiệp: Hớt tóc; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Công T, sinh năm 1972 và bà Võ Thị E, sinh năm 1972. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án: Ngày 21/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành án phạt tù xong ngày 07/5/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ 26/02/2020 tại nhà tạm giữ Công an huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Có mặt.

Người bị hại: **Bà Bùi Thị Thơ G**, sinh năm: 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp x, xã Q, huyện T, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hà Thảo V, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số x, đường T, phường x, thành phố T, tỉnh L.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp x, xã N, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9h ngày 11/12/2019 Trần Hoàng K rủ bạn gái mới quen tên Nguyễn Thị Cẩm L1, sinh năm 1990 ngụ ấp P, xã T, huyện B đi xuống nhà bạn ở huyện Tân Trụ chơi. Kha thuê xe honda ôm chở 2 người đi đến quán cà phê sân vườn 007 thuộc địa bàn xã N, thành phố T uống cà phê. Sau khi uống cà phê K thấy Nguyễn Công Trọng H là bạn bị bắt tạm giam trong thời gian K đang chấp hành án tại nhà tạm giữ huyện Tân Trụ đang ngồi trong sạp bán dưa gần đó. K đi lại hỏi thăm H để tìm đến nhà Lưu Quang L (L cũng là bạn bị tạm giam chung với H). Do không có xe nên K nhờ H chở đến nhà Lưu Quang L chơi thì H đồng ý. Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày H chở K và L1 đến nhà của Lưu Quang L. Lúc này chỉ có vợ L ở nhà. Cả 3 chờ một lúc, Lưu Quang L điều khiển xe biển số 62x1-165.66 về đến. Tất cả ngồi nói chuyện khoảng 30 phút. Hiếu có công chuyện nên đi về và nói lát sẽ quay lại. K và L1 vẫn ở nhà L chơi.

Lúc này vợ chồng Lưu Quang L bận làm gà để giao cho khách nên kêu K và L1 nằm nghỉ chờ H quay lại. Linh nằm vống ngủ còn K đi vòng vòng một lúc thì hỏi mượn xe của L nói là đi đến nhà tìm H, rủ H quay lại nhậu. Tin lời K vợ chồng anh L cho K mượn xe (trong cốp xe có giấy đăng ký xe do vợ anh L là chị Bùi Thị Thơ G đứng tên chủ sở hữu 01 bóp vải bên trong có 01 thẻ thanh toán trả góp Home Credit; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và 01 quyết định công nhận ly hôn của chị Thơ G).

Kha một mình điều khiển xe đi, còn L1 vẫn nằm ngủ ở vống nhà anh L. Mượn được xe K điều khiển đến nhà Dương Văn H (tự M) đang ở trọ tại Phường x, thành phố T. Khi đến nhà trọ của H khoảng 15 giờ cùng ngày, Kha nhờ H đi cầm dùm chiếc xe mô tô nhưng H không đồng ý. Cùng lúc này, M1 cũng là bạn

quen biết với H đến, nghe việc cầm xe nên M1 nói ở T có chỗ cầm xe thì K nhờ M đi cầm xe.

Một điều khiển xe Atila biển số 62x1-165.66 chở K đi đến tiệm cầm đồ N do bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962 ngụ Ấp x, xã N, huyện T làm chủ. M1 là người trực tiếp vào cầm xe và thế 01 giấy đăng ký xe biển số 62x1-165.66, chủ tiệm yêu cầu phải có giấy chứng minh nhân dân nên M1 đưa cho chủ tiệm 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thanh P, sinh năm 1997, ngụ ấp C, xã B, huyện C, tỉnh A làm hợp đồng cầm xe với số tiền 7.000.000đ. Giấy chứng minh này qua điều tra anh P xác định đã bị đánh mất ở địa bàn T.

Sau khi cầm được xe M1 đưa hết tiền cho K, K gọi điện thoại kêu H thuê xe Taxi lên tiệm cầm đồ ở T rước về, lúc này H thuê xe tự lái đến khu vực tiệm cầm đồ N rước K và M1 về phòng trọ của H. K trả cho Hoàng 200.000đ tiền thuê xe, cho M1 số tiền 500.000đ và K đưa cho chị Hà Thảo V (vợ H) số tiền 500.000đ để đi mua thức ăn đem về phòng trọ để tất cả cùng nhau ăn uống .

Số tiền còn lại là 5.800.000đ K tiêu xài cá nhân hết, do không có tiền chuộc xe trả cho anh L nên K bỏ trốn.

Ngày 08/01/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Trụ đã làm việc chủ tiệm cầm đồ N là bà Nguyễn Thị M và bà M đã giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra chiếc xe biển số 62x1-165.66 cùng các giấy tờ cầm xe.

Ngày 09/01/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Tân Trụ yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Trụ định giá chiếc xe mô tô biển số 62x1-165.66. Tại kết luận số 02/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá huyện Tân Trụ xác định giá trị chiếc xe mô tô biển số 62x-165.66 tại thời điểm ngày 11/12/2019 có giá trị là 12.650.000đ.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của Trần Hoàng K: 01 điện thoại di động phím cơ, hiệu Mobiistar B221, vỏ màu đen, số imei: 352 2211 2010 7814, bên trong có gắn 01 sim số 0924485098, tiền trong tài khoản 0 đồng, phím * bị mất; 01 bóp vải hình chữ nhật kích thước 15 x 08 cm, vải sọc caro đỏ-đen-trắng có 02 ngăn kéo, bên trong có 01 thẻ thanh toán trả góp Home Credit; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và 01 quyết định công nhận ly hôn của chị Thơ G.

Cáo trạng số 04/CT-VKS, ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ đã truy tố bị cáo Trần Hoàng K về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng K phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 53; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Hoàng K 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 26/02/2020, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Hoàng K để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận xe mô tô biển số 62x-165.66 và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Buộc bị cáo trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 7.000.000đ.

Về vật chứng:

Trả cho Trần Hoàng K 01 điện thoại di động phím cơ, hiệu Mobiistar B221, vỏ màu đen, số imei: 352 2211 2010 7814, bên trong có gắn 01 sim số 0924485098, tiền trong tài khoản 0 đồng, phím * bị mất.

01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 22/01/1997, Hộ khẩu thường trú: C, B, C, A do anh P làm mất và đã làm cái mới nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu cho tiêu hủy.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo thông nhất với quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát. Về hình phạt bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ cho bị cáo có điều kiện về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Trụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Thảo V vắng mặt không lý do, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra đã có lời khai của bà Vy. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Vy.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Trần Hoàng K là người thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho cá nhân nhưng do tính tham lam, mục đích vụ lợi, bị cáo nẩy sinh chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vào khoảng 15h ngày 11/12/2019, lợi dụng sự tin tưởng của ông Lưu Quang L, bà Bùi Thị Thơ G khi được cho mượn xe biển số 62x1-165.66 Trần Hoàng K đã đem cầm xe được số tiền 7.000.000đ. Sau khi cầm xe K sử dụng 200.000đ tiền thuê xe, cho M1 số tiền 500.000đ, K đưa cho chị Hà Thảo V số tiền 500.000đ để mua thức ăn đem về phòng trọ để tất cả cùng nhau ăn uống và số tiền còn lại 5.800.000đ K tiêu xài cá nhân nên đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi trên không những xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an của xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, do đó cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự. Bị cáo cũng nhận biết việc lợi dụng sự tin tưởng của ông Lưu Quang L đưa xe biển số 62x1-165.66 cho bị cáo chạy đi tìm Hiếu nhưng không gặp Hiếu mà đến tìm H, sau đó bị cáo nẩy sinh ý định cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân là vi phạm pháp luật. Do đó cần phải xử lý bị cáo bằng hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và bị cáo có bà ngoại là người có công với nhà nước theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, cũng cần cách ly

bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Đối với hành vi của M1 đi cầm xe dùm cho K. Tại phiên tòa, K xác định không quen biết với M1 và H cũng không biết họ tên, địa chỉ của M1. Do không biết được họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của M1 nên cơ quan điều tra không xác định được hành vi phạm tội của M1.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị M khai không biết tài sản xe biển số 62x-165.66 do bị cáo phạm tội mà có nên đã nhận cầm cố. Đối với hành vi của bà M là cầm xe không chính chủ, không kiểm tra đối chiếu giấy chứng minh nhân dân với người cầm xe. Hành vi này Cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 7.000.000đ. Bị cáo đồng ý hoàn trả cho bà M số tiền 7.000.000đ. Do đó, buộc bị cáo Trần Hoàng K phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 7.000.000đ.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Trụ đã trả lại cho chị Bùi Thị Thơ G: 01 xe mô tô hai bánh sơn màu đỏ, nhãn hiệu SYM, loại Atila, biển kiểm soát 62x-165.66, số máy: MVJ3CD 000 454, số khung: 12YMFD 000 454, dung tích 124cm³; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy tên Bùi Thị Thơ G, biển số đăng ký 62x-165.66; 01 bóp vải kích thước 15 x 08 cm, vải sọc caro đỏ-đen-trắng có 02 ngăn kéo, bên trong có 01 thẻ thanh toán trả góp Home Credit; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; 01 quyết định công nhận thuận tình ly hôn của chị Thơ G là phù hợp.

[7.2] 01 điện thoại di động phím cơ, hiệu Mobiistar B221, vỏ màu đen, số imei: 352 2211 2010 7814, bên trong có gắn 01 sim số 0924485098, tiền trong tài khoản 0 đồng, phím * bị mất đây là tài sản của K và K không có sử dụng điện thoại này để thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử giao trả lại cho Trần Hoàng K.

[7.3] Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 22/01/1997; Hộ khẩu thường trú: C, B, C, A. Qua làm việc P xác định do làm mất giấy chứng minh này và đã làm lại Giấy chứng minh mới nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

[8] Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và án phí trên số tiền phải trả cho bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K 02 (Hai) năm, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 26/02/2020.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Hoàng K 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên:

Tịch thu cho tiêu hủy 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 22/01/1997; Hộ khẩu thường trú: C, B, C, A.

Trả cho Trần Hoàng K 01 điện thoại di động phím cơ, hiệu Mobistar B221, vỏ màu đen, số imei: 352 2211 2010 7814, bên trong có gắn 01 sim số 0924485098, tiền trong tài khoản 0 đồng, phím * bị mất.

(Tất cả các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra với Chi cục Thi hành án).

3. Trần Hoàng Kha phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Hoàng K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận :

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CA huyện Tân Trụ;
- Chi cục THA huyện Tân Trụ;
- Bị cáo; Bị hại.
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa

